

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THANH TRÌ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THANH TRÌ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH TRI PORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CTT.JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108438215

3. Ngày thành lập: 19/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 21 - Thôn Bãi, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985091264

Fax:

Email: cangthanhtri@gmail.com

Website: www.cangthanhtri.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	8299
2.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
3.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
4.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
5.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
6.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
7.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
8.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế kết cấu công trình - Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình - Khảo sát xây dựng - Giám sát thi công công trình - Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu	7110
9.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

10.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất gạch ngói không chịu lửa, gạch hình khối khảm Sản xuất gạch lát sàn từ đất sét nung Sản xuất gạch gốm sứ, ngói lợp	2392
11.	Xây dựng nhà không để ở	4102
12.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	0810
13.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đấu giá)	4512
14.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
16.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
17.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Vệ sinh ô tô, rửa xe)	4520
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
20.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
21.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
22.	Xây dựng nhà để ở	4101
23.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
24.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt hệ thống thiết bị viễn thông	4223
25.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm hoạt động dò mìn và nổ mìn)	4312
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chỉ bao gồm: - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Thi công lắp đặt thiết bị hệ thống phòng cháy chữa cháy (không bao gồm thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy)	4329
28.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
30.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511

31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chỉ bao gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp. - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4659
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy	5225
33.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
34.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
35.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
36.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
37.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210(Chính)
38.	Phá dỡ	4311
39.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6499
40.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
41.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
42.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản	6820
43.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
44.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
45.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
46.	Bốc xếp hàng hóa	5224
47.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa Chi tiết: Sản xuất hồ, bê tông chịu lửa	2391

48.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
49.	Xây dựng công trình điện	4221
50.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xử lý sự cố nền móng, xử lý chống thấm cho các công trình xây dựng	4390
51.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
52.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710

6. Vốn điều lệ: 21.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VĂN CHÂM	Thôn Trí An, Xã Nam Hoa, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.900.000	19.000.000.000	90,480	161988019	
			Tổng số	19.000	190.000.000	0,905		
2	LÊ VĂN TIẾN	Thôn Trí An, Xã Nam Hoa, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	4,760	162691649	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	4,762		
3	VŨ TIẾN HÙNG	Thôn Trí An, Xã Nam Hoa, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	4,760	162209853	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	4,762		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

